



Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020

CNT16QA1K3 L2698-60001



Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 981/CP-CN Ngày 12 tháng 7 năm 2004

Giấy phép Đầu tư số 981/CP-CN ngày 12 tháng 7 năm 2004 do Thủ tướng Chính phủ cấp.

Giấy Chứng nhận
Ưu đãi Đầu tư số 2398/UBND-UĐĐT Ngày 28 tháng 7 năm 2005
2399/UBND-UĐĐT Ngày 28 tháng 7 năm 2005

Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư và giấy chứng nhận bổ sung do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 3300361563 Ngày 8 tháng 12 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300361563 ngày 17 tháng 3 năm 2020. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị
Ông Vũ Quang Hội Chủ tịch
Ông Vũ Đức Khánh Thành viên
Ông Lê Văn Diễn Thành viên
(từ ngày 1 tháng 7 năm 2020)
Ông Nguyễn Trọng Hiền Thành viên
(đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)

Ban Giám đốc Ông Nguyễn Quang Hải Giám đốc

Trụ sở đăng ký
Thôn Phú Lợi, Xã Bình Tiến
Thị xã Hương Trà
Tỉnh Thừa Thiên Huế
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Hải
Giám đốc

Tỉnh Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2021

1204
NG
HIỆM
PM
HIỆM



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark-72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

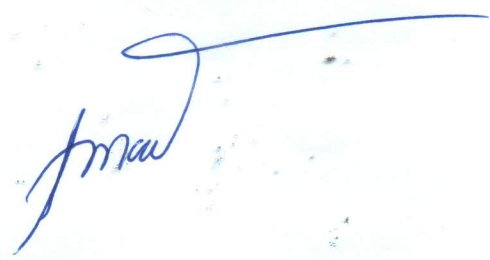
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điện trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-04-00039-21-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021



Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		98.718.508.951	77.968.706.506
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.180.370.320	3.564.887.902
Tiền	111		5.180.370.320	3.564.887.902
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93.231.293.362	72.237.116.245
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	43.519.765.092	9.932.631.495
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.610.000	39.610.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	45.602.387.255	58.266.387.255
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.069.531.015	3.998.487.495
Hàng tồn kho	140		4.820.000	1.377.000.000
Hàng tồn kho	141		4.820.000	1.377.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		302.025.269	789.702.359
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		302.025.269	789.702.359
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		554.270.546.099	580.411.928.868
Tài sản cố định	220		545.780.971.956	569.528.738.733
Tài sản cố định hữu hình	221	8	545.780.971.956	569.528.738.733
Nguyên giá	222		981.862.189.378	967.948.726.905
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(436.081.217.422)	(398.419.988.172)
Tài sản dài hạn khác	260		8.489.574.143	10.883.190.135
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	8.489.574.143	10.883.190.135
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		652.989.055.050	658.380.635.374

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		476.023.920.516	492.401.471.788
Nợ ngắn hạn	310		169.027.416.330	122.515.064.823
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	1.429.200.575	4.862.221.846
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	64.500.000
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	11	19.395.032.901	9.367.925.343
Phải trả người lao động	314		1.764.288.805	2.026.767.805
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	3.357.803.071	448.427.409
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	20.954.056.512	7.746.812.388
Vay ngắn hạn	320	14(a)	119.967.165.488	93.704.745.178
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	2.159.868.978	4.293.664.854
Nợ dài hạn	330		306.996.504.186	369.886.406.965
Vay dài hạn	338	14(b)	304.560.570.897	366.668.440.319
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	2.435.933.289	3.217.966.646
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		176.965.134.534	165.979.163.586
Vốn chủ sở hữu	410	17	176.965.134.534	165.979.163.586
Vốn cổ phần	411	18	155.000.000.000	155.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		200.000.000	200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.765.134.534	10.779.163.586
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.479.163.586	799.694.142
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		20.285.970.948	9.979.469.444
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		652.989.055.050	658.380.635.374

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Phạm Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Hải
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

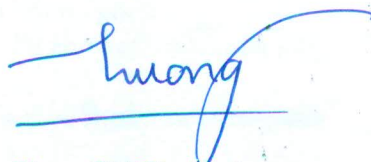
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	125.065.278.916	108.520.319.523
Giá vốn hàng bán	11	22	59.983.819.410	51.443.625.626
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		65.081.459.506	57.076.693.897
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	5.106.205.755	5.625.076.806
Chi phí tài chính	22		37.919.974.660	40.356.582.586
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.919.974.660	40.356.582.586
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	10.021.394.037	8.945.026.951
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		22.246.296.564	13.400.161.166
Thu nhập khác	31		14.373.182	797.804.428
Chi phí khác	32	25	911.766.274	427.082.302
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(897.393.092)	370.722.126
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21.348.903.472	13.770.883.292
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.844.965.881	573.447.202
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	(782.033.357)	3.217.966.646
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		20.285.970.948	9.979.469.444

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Hải
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		21.348.903.472	13.770.883.292
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		37.661.229.250	33.455.417.738
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(45.617.725)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.101.887.595)	(5.579.459.081)
Chi phí lãi vay	06		37.919.974.660	40.356.582.586
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		91.828.219.787	81.957.806.810
Biến động các khoản phải thu	09		(33.516.002.969)	6.903.283.960
Biến động hàng tồn kho	10		1.372.180.000	(1.377.000.000)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		8.350.774.817	1.494.883.097
Biến động chi phí trả trước	12		2.881.293.082	1.748.342.776
			70.916.464.717	90.727.316.643
Tiền lãi vay đã trả	14		(38.117.885.512)	(41.705.737.043)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(992.793.974)	(537.993.773)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.133.795.876)	(1.066.721.974)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.671.989.355	47.416.863.853
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.598.409.273)	(312.181.818)
Tiền chi cho vay	23		(24.000.000.000)	(7.700.000.000)
Tiền thu hồi nợ gốc vay	26		36.664.000.000	4.800.000.000
Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi	27		7.877.447	6.549.223
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.073.468.174	(3.205.632.595)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

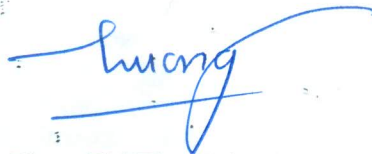
Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		51.977.100.355	41.616.248.768
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(87.822.549.467)	(75.745.750.209)
Tiền chi trả cổ tức	36		(3.284.525.999)	(6.837.630.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.129.975.111)	(40.967.131.441)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.615.482.418	3.244.099.817
Tiền đầu năm	60		3.564.887.902	320.788.085
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	5.180.370.320	3.564.887.902

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Phạm Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Quang Hải
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện thông qua việc vận hành Nhà máy Thủy điện Bình Điền với công suất lắp máy 44 MW tại Xã Bình Tiến, Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế; tư vấn, xây lắp các công trình điện, xây dựng điện; đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; kinh doanh điện và thí nghiệm điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 55 nhân viên (1/1/2020: 56 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	20 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
▪ phương tiện vận tải	7 – 30 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 – 4 năm

(f) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(g) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa theo biên bản số đo điện và giá điện cho từng mùa được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(m) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(n) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(o) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	648.926.876	813.074.608
Tiền gửi ngân hàng	4.531.443.444	2.751.813.294
	5.180.370.320	3.564.887.902

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên khác		
Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	40.072.446.910	8.049.861.495
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Phú Yên	-	1.452.770.000
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Mỹ Sơn	3.081.818.182	-
Các khách hàng khác	365.500.000	430.000.000
	43.519.765.092	9.932.631.495

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho vay phải thu phản ánh khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – công ty mẹ trực tiếp vay. Khoản cho vay này không có đảm bảo và được hưởng lãi suất 10,2%/năm (2019: 10,2%/năm). Toàn bộ lãi phải thu sẽ được trả một lần tại ngày đáo hạn.



7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
Lãi cho vay phải thu từ Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – công ty mẹ trực tiếp	3.344.417.167	3.202.243.019
Bên khác		
Tạm ứng	525.524.137	658.561.920
Các khoản phải thu khác	199.589.711	137.682.556
	<hr/>	<hr/>
	4.069.531.015	3.998.487.495

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và sẽ thu được tại ngày đáo hạn của khoản gốc cho vay.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	572.519.656.159	332.930.761.132	62.432.491.432	65.818.182	967.948.726.905
Tăng trong năm	13.815.053.200	-	-	98.409.273	13.913.462.473
Số dư cuối năm	586.334.709.359	332.930.761.132	62.432.491.432	164.227.455	981.862.189.378
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	190.869.813.691	185.058.090.565	22.451.743.007	40.340.909	398.419.988.172
Khấu hao trong năm	24.159.680.311	11.274.437.002	2.197.810.113	29.301.824	37.661.229.250
Số dư cuối năm	215.029.494.002	196.332.527.567	24.649.553.120	69.642.733	436.081.217.422
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	381.649.842.468	147.872.670.567	39.980.748.425	25.477.273	569.528.738.733
Số dư cuối năm	371.305.215.357	136.598.233.565	37.782.938.312	94.584.722	545.780.971.956

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 842 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 842 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 532.763 triệu VND (1/1/2020: 527.114 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ sản xuất VND	Công cụ và dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	9.333.405.716	1.549.784.419	10.883.190.135
Tăng trong năm	4.589.159.545	70.400.000	4.659.559.545
Phân bổ trong năm	(6.330.282.531)	(722.893.006)	(7.053.175.537)
Số dư cuối năm	7.592.282.730	897.291.413	8.489.574.143

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên khác		
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	698.997.620	1.098.997.620
Công Ty Cổ phần Xây dựng Phú Minh	200.036.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Hùng Phú	-	1.595.000.000
Cửa hàng Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	-	618.486.000
Công ty TNHH Một thành viên KGPP Năng lượng	-	507.100.000
Các nhà cung cấp khác	530.166.955	1.042.638.226
	1.429.200.575	4.862.221.846

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.764.190.798	14.371.049.868	(9.702.241.504)	8.432.999.162
Thuế thu nhập doanh nghiệp	478.428.335	1.844.965.881	(992.793.974)	1.330.600.242
Thuế thu nhập cá nhân	193.454.901	279.377.393	(465.361.073)	7.471.221
Thuế tài nguyên	3.278.160.488	12.391.997.478	(9.787.185.555)	5.882.972.411
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.028.027.448	4.785.478.848	(2.672.711.856)	3.140.794.440
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	546.993.500	2.187.974.000	(2.734.967.500)	-
Thuế khác	78.669.873	914.766.270	(393.240.718)	600.195.425
	9.367.925.343	36.775.609.738	(26.748.502.180)	19.395.032.901

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền thưởng	2.850.413.741	-
Phí dịch vụ	140.000.000	140.000.000
Chi phí khác	367.389.330	308.427.409
	3.357.803.071	448.427.409

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	8.585.886.038	7.522.248.037
Phí trồng rừng thay thế	12.315.053.200	-
Chi phí lãi vay	-	197.910.852
Các khoản phải trả khác	53.117.274	26.653.499
	20.954.056.512	7.746.812.388

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (*)	19.971.054.681	51.984.969.777	(41.988.858.970)	29.967.165.488
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 14(b))	73.733.690.497	62.100.000.000	(45.833.690.497)	90.000.000.000
	93.704.745.178	114.084.969.777	(87.822.549.467)	119.967.165.488

(*) Đây là khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, không có đảm bảo và chịu lãi suất 9%/năm (2019: 10%/năm).

Trong năm 2020, Công ty đã ký kết văn bản với ngân hàng về việc thay đổi kế hoạch trả nợ của khoản vay dài hạn từ ngân hàng. Theo đó, trong năm 2020, Công ty chỉ phải trả 45.834 triệu VND cho ngân hàng thay vì 73.734 triệu VND theo như kế hoạch trả nợ ban đầu.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn	394.560.570.897	440.402.130.816
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(90.000.000.000)	(73.733.690.497)
	304.560.570.897	366.668.440.319

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	2024	272.315.757.637	296.315.757.637
Khoản vay ngân hàng 2	VND	2025	97.244.813.260	112.244.813.260
Khoản vay ngân hàng 3	VND	2025	25.000.000.000	31.000.000.000
Khoản vay ngân hàng 4	USD	2020	-	841.559.919
			394.560.570.897	440.402.130.816



Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong năm, các khoản vay chịu lãi suất từ 1,7% đến 9,4% (2019: từ 1,7% đến 10,3%) một năm.

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 532.763 triệu VND (1/1/2020: 527.114 triệu VND) (Thuyết minh 8).

Khoản vay 1 có hạn mức tín dụng 520 tỷ VND. Nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được hoàn trả trong 44 tháng và đợt cuối sẽ trả vào tháng 8 năm 2024.

Khoản vay 2 có hạn mức tín dụng 141 tỷ VND. Nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được hoàn trả trong 9 đợt trong 6 năm và đợt cuối sẽ trả vào tháng 3 năm 2025.

Khoản vay 3 có hạn mức tín dụng 31 tỷ VND. Nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được hoàn trả trong 10 đợt trong 6 năm và đợt cuối sẽ trả vào tháng 10 năm 2025.

15. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Khấu hao tài sản cố định	20%	2.435.933.289	1.217.966.646
Các khoản khác	20%	-	2.000.000.000
		<hr/>	<hr/>
		2.435.933.289	3.217.966.646
		<hr/>	<hr/>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	4.293.664.854	5.360.386.828
Sử dụng trong năm	(2.133.795.876)	(1.066.721.974)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.159.868.978	4.293.664.854
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	155.000.000.000	200.000.000	2.717.381.569	13.582.312.573	171.499.694.142
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	9.979.469.444	9.979.469.444
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(15.500.000.000)	(15.500.000.000)
Chuyển quỹ đầu tư phát triển vào lợi nhuận phân phối	-	-	(2.717.381.569)	2.717.381.569	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	155.000.000.000	200.000.000	-	10.779.163.586	165.979.163.586
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	20.285.970.948	20.285.970.948
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(9.300.000.000)	(9.300.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	155.000.000.000	200.000.000	-	21.765.134.534	176.965.134.534

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Vốn cổ phần**

Tại ngày báo cáo, vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.500.000	155.000.000.000	15.500.000	155.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	155.000.000.000	15.500.000	155.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	155.000.000.000	15.500.000	155.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

19. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 27 tháng 6 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 9.300 triệu VND, bằng 6% mệnh giá của các cổ phiếu đang lưu hành (2019: 15.500 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của các cổ phiếu đang lưu hành).

20. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng từ hai đến năm năm	22.953.266.240	22.953.266.240
Sau năm năm	130.068.508.693	130.068.508.693
	153.021.774.933	153.021.774.933

Cam kết thuê bao gồm cam kết thuê đất đến năm 2054 để vận hành nhà máy thủy điện. Tiền thuê đất được miễn trong 13 năm từ năm 2008.

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị doanh thu bán điện và doanh thu cung cấp dịch vụ, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán điện	119.389.529.826	104.232.643.191
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.675.749.090	4.287.676.332
	<hr/>	<hr/>
	125.065.278.916	108.520.319.523
	<hr/>	<hr/>

22. Giá vốn hàng bán

	2020 VND	2019 VND
Chi phí khấu hao	37.358.019.943	33.174.805.715
Chi phí nhân viên	9.373.067.797	7.563.340.360
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.355.547.138	6.581.380.694
Chi phí khác	5.897.184.532	4.124.098.857
	<hr/>	<hr/>
	59.983.819.410	51.443.625.626
	<hr/>	<hr/>

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Lãi cho vay	5.094.010.148	5.572.909.858
Lãi tiền gửi	7.877.447	6.549.223
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.318.160	45.617.725
	<hr/>	<hr/>
	5.106.205.755	5.625.076.806
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	8.107.131.099	7.067.752.909
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	506.998.116	240.024.783
Chi phí khấu hao	303.209.307	280.612.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	590.681.002	1.006.038.611
Chi phí khác	513.374.513	350.598.625
	<hr/> 10.021.394.037	<hr/> 8.945.026.951

25. Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND
Các khoản phạt	911.766.274	427.082.302
	<hr/> 911.766.274	<hr/> 427.082.302

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	506.998.116	409.055.000
Chi phí nhân viên	17.480.198.896	14.631.093.269
Chi phí khấu hao	37.661.229.250	33.455.417.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	590.681.002	1.006.038.611
Chi phí khác	13.766.106.183	10.887.047.959
	<hr/> 326.503.431.457	<hr/> 299.076.532.577



Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	835.814.233	498.882.880
Dự phòng thiếu năm trước	1.009.151.648	74.564.322
	1.844.965.881	573.447.202
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(782.033.357)	3.217.966.646
	1.062.932.524	3.791.413.848

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.348.903.472	13.770.883.292
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.134.890.347	1.377.088.329
Chi phí không được trừ được tính theo mức thuế suất	275.654.533	229.660.754
Chênh lệch thuế suất áp dụng cho thuế thu nhập hoãn lại phải trả	608.983.323	913.474.985
Thay đổi của các chênh lệch tạm thời	(2.000.000.000)	2.000.000.000
Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế trong năm hiện hành (*)	499.738.049	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.009.151.648	74.564.322
Ưu đãi thuế	(1.136.192.961)	(803.374.542)
Ảnh hưởng của thuế suất áp dụng đối với hoạt động kinh doanh khác	28.913.685	-
Ưu đãi thuế theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 (**)	(358.206.100)	-
	1.062.932.524	3.791.413.848

CÔNG
 H NHIỆ
 KPI
 LIỆ

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 16, Nghị định 132/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 5 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại điểm a khoản này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại điểm a khoản này. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng chi phí lãi vay được mang sang kỳ tính thuế tiếp theo là 22.902 triệu VND (1/1/2020: 17.905 triệu VND).

- (**) Công ty được hưởng ưu đãi thuế giảm 30% trên tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 áp dụng đối với các doanh nghiệp có doanh thu không quá 200 tỷ đồng trong năm tài chính hiện hành.

(c) Ưu đãi thuế

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Bình Điền và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 7 năm 2009. Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) cho thời gian hoạt động còn lại của nhà máy này. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong thời gian 15 năm từ khi nhà máy thủy điện bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế TNDN trong 4 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2399/UBND - UĐĐT do UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 28 tháng 7 năm 2005. Năm đầu tiên Nhà máy Thủy điện Bình Điền có thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh dự án là năm 2009.

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco – công ty mẹ		
Cho vay	24.000.000.000	7.700.000.000
Nhận hoàn trả khoản cho vay	36.664.000.000	4.800.000.000
Bù trừ khoản cho vay với các khoản phải trả	-	2.605.590.219
Thu nhập lãi cho vay	5.094.010.148	5.572.909.859
Cổ tức	4.951.836.000	8.253.060.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Bitexco – Tá Trách		
Vay	3.000.000.000	-
Trả tiền vay	3.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	25.767.123	-
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Tiền lương và phụ cấp	2.662.681.107	2.534.697.799

Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2020 VND	2019 VND
Bù trừ khoản lãi cho vay phải thu với khoản cổ tức phải trả	4.951.836.000	5.947.469.781
Bù trừ khoản cho vay với khoản cổ tức phải trả	-	2.305.590.219
Bù trừ khoản cho vay với khoản phải trả người bán ngắn hạn	-	300.000.000

30. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập:

Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Quang Hải
Giám đốc